

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 12/01/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+BK16	7:25	22+0	0+0		17+4	0+0	chuyen 2 tdl- bk16
2		CLO+BK10	7:25	22+0	0+0		21+1	0+0	
3		TD5+PPD	7:25	1+21	0+0		0+22	0+0	
4		CLO+TD1	7:25	12+10	0+0		10+11	0+0	
5		AMD+PPD	9:25	14+8	0+0		10+12	0+0	
6		CTK3+TD3+P6	9:25	17+3+1	0+0+0		11+2+2	0+0+0	
7		TD1+VSP02	9:25	19+3	0+0		8+3	0+0	
8		TJUNG+HSD	13:00	15+2	0+0		13+5	0+0	
9		HST+TGTH1+AMD	13:30	4+6+8	0+0+0		3+6+9	0+0+0	chuyen 1 HST- H1chuyen 1 H1-AMD

TTDBSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/01/2024	TO: TD1 - BK16	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: HUNG - Son - Toan	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGO THANH SON	TD1	16	1	11	40	75	DVL	Vietnamese
2	DUONG TRUNG KIEN	TD1	15	1	10	17	62	DVL	Vietnamese
3	NGUYEN TRONG QUE	TD1	01,99	2	20		72	XAYLAP	Vietnamese
4	VO TA HUNG	TD1	20	1	17		68	XAYLAP	Vietnamese
5	CAO VAN MANH	TD1	08-09	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
6	TRAN VAN KHANH	TD1	17-18	2	20		72	XAYLAP	Vietnamese
7	UVAYSOV ABDULAKHI	TD1					105	KHOAN	Russian
8	NGUYEN NHU BANG	TD1	11	1	13		57	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN THANH HIEU	TD1	12-13	2	12		86	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN MINH SON	TD1	04	1	4		82	KHOAN	Vietnamese
11	MAI VAN HOI	TD1					74	KHOAN	Vietnamese
12	HOANG VAN DUY	TD1	21	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
13	LE VAN HOAN	TD1	22	1	5		79	KHOAN	Vietnamese
14	VU DUC TOAN	TD1	14	1	3	15	80	KHOAN	Vietnamese
15	PHAM MINH THANG	TD1	10	1	7		77	KHOAN	Vietnamese
16	LE VAN NGUYEN	TD1	07	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
17	TRINH CAO TRONG	TD1	03	1	8		72	KHOAN	Vietnamese
18	TRAN MINH HOANG	TD1	02	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
19	HA MINH TUAN	TD1	91	1	4		66	KHOAN	Vietnamese
20	VU DINH PHONG	TD1	19	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
21	VU VAN KIEN	TD1	05	1	5		81	KHOAN	Vietnamese
22	VU TU NAM	TD1	06	1	3		75	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

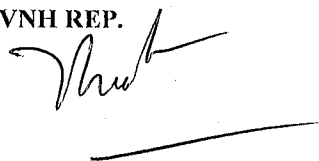
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	22	24	183	1.613	72	17	2	CHUYEN 2 PAX TD1-BK16
2	BK16	0	0	0	0	20	4		
TOTAL		22	24	183	1.613	92	21		
WEIGHT KG				183	1.613	92			

GRAND TOAL: 1.888 KGS

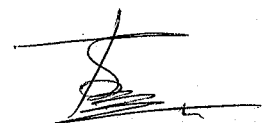
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:45
FLIGHT: 2	TO: CLO - BK10	CREW: VTHU - ĐỨC - thông	ETA: 09:35
TRANG-1A			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG VAN HUNG	CLO	67	1	4		69	KHOAN	Vietnamese
2	VLASOV ALEKSANDR	CLO	64	1	7		92	KHOAN	Russian
3	TRAN TRUNG THANH	CLO	68	1	8		78	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN VAN TRUNG	CLO					82	KHOAN	Vietnamese
5	VU THE NANG	CLO	69	1	6		63	KHOAN	Vietnamese
6	ĐANG KIM DUONG	CLO	63	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
7	VU VAN LONG	CLO	65	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
8	LE VAN LY	CLO	73	1	8		60	KHOAN	Vietnamese
9	ĐINH ĐỨC TIEN	CLO	70	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
10	ĐO HUY BINH	CLO	75-76	2	6		73	KHOAN	Vietnamese
11	PHAM NAM HAI	CLO	72	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
12	ĐO NGOC HOAN	CLO	74	1	5		88	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN PHU VINH	CLO	87	1	8		57	KHOAN	Vietnamese
14	VUONG NGOC HOAN	CLO	84	1	6		71	KHOAN	Vietnamese
15	VU HAI LONG	CLO	79-80	2	12		78	KHOAN	Vietnamese
16	LE VIET HUNG	CLO	88	1	10	80	67	KHOAN	Vietnamese
17	ĐINH VAN THONG	CLO	66	1	6		72	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN HOANG TRUONG	CLO	71	1	9		75	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN TRUNG KIEN	CLO	77	1	3		53	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN CHI NGHIỆP	CLO	85-86	2	7		78	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN SI LONG	CLO	78	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
22	TU QUOC VIET	CLO	83	1	11	12	63	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	22	24	138	1.592	92	21		
2	BK10	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	24	138	1.592	92	22		
WEIGHT KG				138	1.592	92			

GRAND TOAL: 1.822 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	TO: TD5 - PPD	CREW: Duong - MTHAO - QTruong	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TELESHENKO IVAN	TD5	46	1	19	20	120	KHOAN	Russian
2	LÊ QUANG NINH	PPD					60	KHI	Vietnamese
3	TRỊNH VĂN NHÀ	PPD	80	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
4	TÔ QUỐC THỊNH	PPD	82-83	2	10		60	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI NĂNG PHONG	PPD	79	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VIỆT TIẾN	PPD	05-06	2	10		68	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN CAO CUÔNG	PPD					70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN SƠN	PPD	84	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI VĂN ĐÀO	PPD	91	1	5	80	90	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN CHUNG	PPD	96-97	2	10		80	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN QUANG HUY	PPD	87	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG VĂN NINH	PPD					70	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM LÊ DƯƠNG	PPD	78	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
14	BIỆN MINH SƠN	PPD	85	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN SINH	PPD	81	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN THANH TRÍ	PPD	92	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN CÔNG DŨNG	PPD	90	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN TIẾN ĐẠT	PPD	93	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐINH TÙNG LÂM	PPD	94-95	2	15		70	T-TIN	Vietnamese
20	NGUYỄN NGỌC LƯU	PPD	89	1	5		70	PSV	Vietnamese
21	BUI XUÂN ĐIỆP	PPD	88	1	5		60	PSV	Vietnamese
22	LÊ TIẾN LỢI	PPD	86	1	5		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	1	1	19	120	20	0		
2	PPD	21	22	115	1.470	80	22		
TOTAL		22	23	134	1.590	100	22		
WEIGHT KG				134	1.590	100			

GRAND TOAL: 1.824 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/01/2024	TO: CLO - TD1	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: LTuấn - N.ANH - DTùng	ETA: 09:30
vang-l			

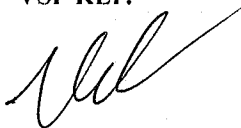
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN VỊNH	CLO	32	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
2	LÂM XUÂN TÚ	CLO	26	1	3		81	KHOAN	Vietnamese
3	LÊ VĂN TUẤN	CLO	44	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN ĐOÀN SỬU	CLO	27	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN HỮU THẮNG	CLO	28-29	2	27		63	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN HAI LÂM	CLO	43	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN ĐẠI DƯƠNG	CLO	25	1	3		76	ANTOAN	Vietnamese
8	BUI ĐỨC TRUNG	CLO	35	1	11		60	DVL	Vietnamese
9	NGUYỄN HAM HA	CLO	30	1	5		66	DVL	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN TIẾN	CLO	33	1	5		72	DVL	Vietnamese
11	VUÔNG KIẾN QUỐC	CLO	34	1	10		81	DVL	Vietnamese
12	LÊ PHÚ PHÚC	CLO	31	1	7	25	81	DVL	Vietnamese
13	PHẠM ĐÔI	TD1	28-29	2	7	32	73	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN VIỆT CHƯƠNG	TD1	38	1	3		62	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN TUẤN ĐẠT	TD1	34	1	3		78	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN BAO	TD1	33	1	10		82	KHOAN	Vietnamese
17	ĐINH VĂN DIỆN	TD1	30	1	3		71	KHOAN	Vietnamese
18	PHẠM ĐĂNG NINH	TD1	35	1	6		54	KHOAN	Vietnamese
19	ĐOÀN VĂN KHÁNH	TD1	32	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
20	TRẦN VĂN SANG	TD1	37	1	3		62	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN XUÂN PHÚ	TD1	36	1	5		88	KHOAN	Vietnamese
22	LÊ HỮU HÙNG	TD1	31	1	13		75	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

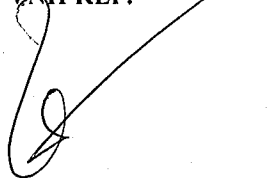
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	12	13	96	845	25	10		
2	TD1	10	11	58	721	32	11		
TOTAL		22	24	154	1.566	57	21		
WEIGHT KG				154	1.566	57			

GRAND TOAL: 1.777 KGS

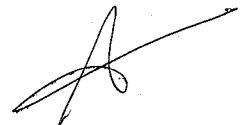
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 5	TO: AMD - PPD	CREW: HUNG - Son - Toan	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN NAM TRUNG	AMD	78	1	5	20	77	HLJOC	Vietnamese
2	TRINH THUONG MAI	AMD	77	1	6		62	TLJOC	Vietnamese
3	NGO SY KHOI	AMD	73	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM VAN LAM	AMD	72	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
5	DOAN VAN DUNG	AMD	79-80	2	9		75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN ANH KHOA	AMD	81-82	2	11		65	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG TRUNG KIEN	AMD	69-70	2	15		67	KH-THAC	Vietnamese
8	LE TRI TRUNG	AMD	68	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	TRUONG THE KHAI	AMD	71	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
10	LE QUOC HUY	AMD	83	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
11	LE VAN TRUONG	AMD	76	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
12	LE THANH TAN	AMD	74-75	2	12		64	KH-THAC	Vietnamese
13	DUONG MANH PHU	AMD	67	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN LUONG	AMD	65-66	2	7		71	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM VIET HOANG	PPD	44	1	4		54	PSV	Vietnamese
16	VU THE LIEN	PPD	42	1	9		69	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN DINH LAM	PPD	43	1	7		78	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN MINH DONG	PPD	39	1	4		45	PSV	Vietnamese
19	TRAN VAN THUAT	PPD	40	1	4		66	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN TRONG TAN NGHIA	PPD	41	1	5		64	PSV	Vietnamese
21	LE TRAN MINH KHANH	PPD	45	1	5		61	PSV	Vietnamese
22	LE DUC CUONG (1972)	PPD	46	1	7		66	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	14	19	116	1.005	20	10		
2	PPD	8	8	45	503	0	12		
TOTAL		22	27	161	1.508	20	22		
WEIGHT KG				161	1.508	20			

GRAND TOAL: 1.689 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/01/2024	TO: CTK3 - TD3 - P6	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:55
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Dương - MTHAO -	ETA: 11:45
CAM-2		QTrưởng	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MIKHAILOV E.	CTK3	63-64	2	6		95	KH-THAC	Russian
2	NGUYEN TIEN DUAN	CTK3	18-19	2	10		66	CODIEN	Vietnamese
3	TRAN THANH QUANG	CTK3	61	1	5		75	VIET PHAT	Vietnamese
4	NGUYEN VAN TOAN	CTK3	15,67	2	20	20	80	T-TIN	Vietnamese
5	NGO MINH TUAN	CTK3	65-66	2	12		65	T-TIN	Vietnamese
6	PHAM VAN TU	CTK3	23	1	7		58	PSV	Vietnamese
7	NGUYEN DUY HIỆP	CTK3	16	1	6		66	PSV	Vietnamese
8	NGUYEN HUY HIỆU	CTK3	91	1	5		58	PSV	Vietnamese
9	LE CONG VAN	CTK3	62	1	7		70	PSV	Vietnamese
10	LÊ ĐẶC NHA	CTK3	92	1	5	16	64	PSV	Vietnamese
11	TRAN VAN HUU	CTK3	22	1	8		57	PSV	Vietnamese
12	LE TUAN VU	CTK3	90	1	6		100	PSV	Vietnamese
13	LE THANH TUNG	CTK3	20	1	10		75	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN VAN THACH	CTK3	21	1	6		56	PSV	Vietnamese
15	PHAM HUU MINH	CTK3	60	1	5		60	PSV	Vietnamese
16	ĐO HUY KHANH	CTK3	17	1	9		82	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN VO DINH DUY	TD3	59-60	2	20		76	DVL	Vietnamese
18	NGUYEN CHI LINH	TD3	61-62	2	12	40	82	DVL	Vietnamese
19	ĐẶNG VĂN CHUNG	TD3	63	1	14		78	DVL	Vietnamese
20	ĐÀO TRƯỞNG SƠN	P6	19	1	8	15	82	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	16	20	127	1.127	36	11		
2	TD3	3	5	46	236	40	2		
3	P6	1	1	8	82	15	2		
TOTAL		20	26	181	1.445	91	15		
WEIGHT KG				181	1.445	91			

GRAND TOAL: 1.717 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:58
FLIGHT: 7	TO: TD1 - VSP02	CREW: L.Tuấn - N.ANH - DTùng	ETA: 11:50
HONG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN LÂM GIANG	TD1	83-84	2	10		74	KHOAN	Vietnamese
2	ĐỖ NGUYỄN GIÁP	TD1	85-86	2	18		76	KHOAN	Vietnamese
3	PHẠM VĂN TRI	TD1	69	1	11		72	KHOAN	Vietnamese
4	ĐOÀN VĂN KHUU	TD1	67	1	12		62	KHOAN	Vietnamese
5	NGÔ DUY NGỌC	TD1	90	1	16		59	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN TRỌNG HUỆ	TD1	87	1	12		61	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ VĂN QUANG	TD1	63-64	2	15		73	MERMAID	Vietnamese
8	LÊ DUY THĂNG	TD1	65-66	2	22		78	MERMAID	Vietnamese
9	HOÀNG MINH HÙNG	TD1	75	1	7		70	SEN	Vietnamese
10	NGUYỄN DUY KHIÊM	TD1	68	1	10		57	D-HANH	Vietnamese
11	TRỊNH MINH ĐỨC	TD1	88-89	2	20		68	XAYLAP	Vietnamese
12	VŨ QUỐC HUY	TD1	73-74	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ ANH TUẤN	TD1	78-79	2	20		81	XAYLAP	Vietnamese
14	HÌNH NGỌC GIANG	TD1	76-77	2	20		67	XAYLAP	Vietnamese
15	VŨ MẠNH THĂNG	TD1	70-72	3	21		60	XAYLAP	Vietnamese
16	VŨ CÔNG VIỆN	TD1	80-81	2	15		69	XAYLAP	Vietnamese
17	VŨ VIỆT HOÀNG	TD1	82	1	10		57	XAYLAP	Vietnamese
18	PHẠM VĂN HOÀNG	TD1	92	1	4		61	PSV	Vietnamese
19	VUÔNG VĂN THÔNG	TD1	91	1	10		67	YTE	Vietnamese
20	NGÔ HÙNG HẢI	VSP02	30	1	12		65	ANTOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN CÔNG LÂM	VSP02	31-32	2	12	23	67	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN THẾ HÙNG	VSP02	33	1	8	23	79	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	19	30	273	1.282	0	8		
2	VSP02	3	4	32	211	46	3		
TOTAL		22	34	305	1.493	46	11		
WEIGHT KG				305	1.493	46			

GRAND TOAL: 1.844 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 620	ETD: 13:00
FLIGHT: 8	TO: T.UNG - HSD	CREW: HHải - Mạnh	ETA: 16:10
XANH-3			

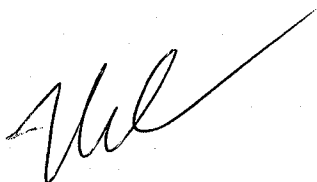
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN DUY TUẤN	T.UNG	54	1	7		80	PVEP ITC	Vietnamese
2	HUỖNH HIẾU NGHĨA	T.UNG	46	1	10		82	PVEP ITC	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐÌNH QUỐC BẢO	T.UNG	50	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
4	FEDORCHENKO	T.UNG	58-59	2	16		82	KH-THAC	Russian
5	PHẠM QUANG QUY	T.UNG	47	1	6		57	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐƯƠNG VĂN MẠNH	T.UNG	51-52	2	8		67	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN BẮC	T.UNG	48	1	3		56	KH-THAC	Vietnamese
8	LƯƠNG VĂN LƯƠNG	T.UNG	57	1	10	60	95	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN XUÂN THUY	T.UNG	61	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH BẮC	T.UNG	60	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ DUY ĐỨC	T.UNG	55-56	2	8		62	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI TRỌNG HUNG	T.UNG	44	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN XUÂN HẢI	T.UNG	49	1	9		77	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ HAI AN	T.UNG	45	1	7		73	PSV	Vietnamese
15	ĐINH VĂN LƯU	T.UNG	53	1	5		53	PSV	Vietnamese
16	ĐO THỂ THANH	HSD	54	1	13		74	KH-THAC	Vietnamese
17	CHU ĐỨC CHÍ	HSD	55-56	2	20		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

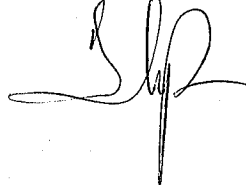
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	15	18	110	1.035	60	13		
2	HSD	2	3	33	144	0	2		
TOTAL		17	21	143	1.179	60	15		
WEIGHT KG				143	1.179	60			

GRAND TOAL: 1.382 KGS

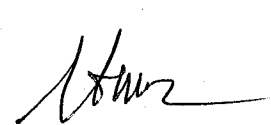
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



Lưu VSP

FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/01/2024	TO: HST - TGTH1 - AMD	AIRCRAFT: 616	ETD: 13:30
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: ATUẤN - TRƯỜNG	ETA: 15:30
CAM-3			

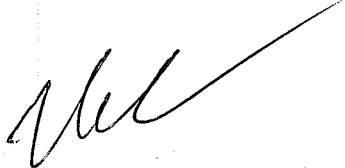
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN XUAN HIEU	HST	26-27	2	16		88	TLJOC	Vietnamese
2	PHẠM TUẤN CHUNG	HST	31	1	11		60	KH-THAC	Vietnamese
3	CÔNG ĐỨC MINH TRI	HST	28	1	13		80	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN MẠNH HÙNG	HST	29-30	2	12		83	KH-THAC	Vietnamese
5	NGO SY DUC	TGTH1	04-05	2	20		98	HLJOC	Vietnamese
6	LA NGOC HOAN	TGTH1	66	1	8		72	HLJOC	Vietnamese
7	NGUYỄN HOANG LONG	TGTH1	18,03	2	12		71	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN MẠNH HA	TGTH1	17	1	7		55	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN TRUNG	TGTH1	15	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN ĐỨC CUÔNG	TGTH1	16	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ XUÂN TUẤN	AMD	92-93	2	13		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN TRẠI	AMD	90	1	11		65	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐOÀN HỒNG DƯƠNG	AMD	01	1	9	20	71	KH-THAC	Vietnamese
14	TRƯỜNG VĂN BA	AMD	94-95	2	12		72	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN HỮU PHƯỚC	AMD	97,300	2	10		67	KH-THAC	Vietnamese
16	HOÀNG NGỌC TÂN	AMD	91	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐÌNH TIẾN	AMD	02	1	4		55	PSV	Vietnamese
18	LÊ CÔNG VIỆT	AMD	96	1	5		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

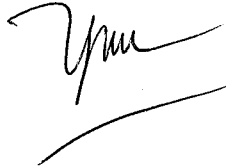
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	HST	4	6	52	311	0	34	1	CHUYEN I HST-TGTH1
2	TGTH1	6	8	57	435	0	64	1	CHUYEN I TGTH1-AMD
3	AMD	8	11	70	519	20	9		
TOTAL		18	25	179	1.265	20	18		
WEIGHT KG				179	1.265	20			

GRAND TOAL: 1.464 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 13/01/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+P9	7:25	22	0		20+2	0	
2		RP3+GTCL+BK3	7:25	22+0+0	0+0+0		16+0+0	0+0+0	chuyen 5 gtcl-bk3
3		TD2+RP3	9:25	18+4	0+0		13+6	0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: TD2 - P9	CREW: KHOÀN - MTHAO - Toan	ETA: 09:20
xanh-1			

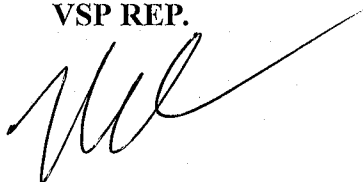
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ THÀNH DƯƠNG	TD2	51-52	2	13	100	83	D-HANH	Vietnamese
2	VŨ MẠNH THĂNG	TD2	04	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
3	DOROSHENKO MAXIM	TD2	57	1	10		99	KHOAN	Russian
4	GONCHAROV SERGEY	TD2	54	1	10		100	KHOAN	Russian
5	TRẦN CÔNG HIỀN	TD2	60	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
6	VŨ SĨ HOÀI THANH	TD2	94-95	2	9		63	KHOAN	Vietnamese
7	TRƯỜNG THANH TÙNG	TD2	53	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
8	LÝ ANH TUẤN	TD2	05	1	9		88	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN QUỐC ĐOÀN	TD2	03	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN HÙNG HÙNG	TD2					98	KHOAN	Vietnamese
11	ĐỖ VĂN HÙNG	TD2	02	1	7		73	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN TRỌNG TUẤN	TD2	50,700	2	20		72	KHOAN	Vietnamese
13	MAI VĂN HOÀNG	TD2	96	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM VĂN HÙNG	TD2	58	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN VĂN HÙNG	TD2	56	1	3		78	KHOAN	Vietnamese
16	HOÀNG XUÂN KIẾN	TD2	59	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM LÊ NAM	TD2	01,100	2	10		66	KHOAN	Vietnamese
18	PHẠM THÈ CHUYỀN	TD2	55	1	3		69	KHOAN	Vietnamese
19	DƯƠNG HẢI BĂNG	TD2	61	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
20	LÊ HẢI SƠN	TD2	98	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
21	HỒ CHÍ CÔNG	TD2	97	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
22	MAI ĐỨC THÂN	TD2	99	1	5		75	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	22	25	146	1.670	100	20		
2	P9	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	25	146	1.670	100	22		
WEIGHT KG				146	1.670	100			

GRAND TOAL: 1.916 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/01/2024	TO: RP3 - GTC1 - BK3	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: TTrung - N.Cuong - THU	ETA: 09:25
CAM -1			

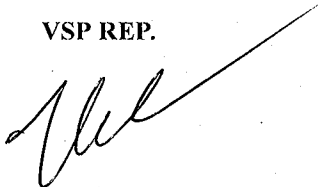
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	FIRSOV EVGENII	RP3	06	1	4		108	KHOAN	Russian
2	NGUYỄN TẤT THÀNH	RP3	19	1	7		56	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN TRUÔNG	RP3	12-13	2	10		82	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN VĂN BÌNH	RP3	14	1	5	40	75	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN THAI DƯƠNG	RP3					59	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN MẠNH TINH	RP3	09	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
7	ĐO VĂN PHAN	RP3	22	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
8	ĐÀU CAO KHANG	RP3	16	1	7		53	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN DUY LINH	RP3	10	1	7		100	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ THANH NGỌC	RP3	17	1	11		49	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN TIẾN HÒA	RP3	07	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
12	NGÔ HỒNG GIANG	RP3	24	1	6		72	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN VĂN LÊN	RP3	18	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN VĂN HUNG	RP3	20	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ NGỌC LUÂN	RP3	15	1	11		65	KHOAN	Vietnamese
16	MAI TUÂN KIẾT	RP3	08	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN TRỌNG TIẾN	RP3	05	1	15		77	KHOAN	Vietnamese
18	TẠ PHI KHANH	RP3	23	1	5		70	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN TƯỜNG	RP3	21	1	5		74	KHI	Vietnamese
20	PANKRATOV ROMAN	RP3	11	1	8		91	KHI	Russian
21	TRẦN VĂN THỨC	RP3	01-02	2	20		70	MERMAID	Vietnamese
22	ĐÀO NGÂN LAM	RP3	03	1	10	20	65	MERMAID	Vietnamese

FLIGHT PLAN

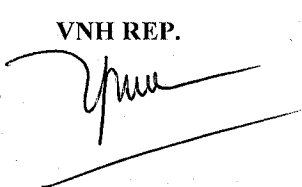
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	22	23	165	1.585	60	16		CHUYEN 5 PAX GTC1-BK3
2	GTC1	0	0	0	0	0	0+5		
3	BK3	0	0	0	0	70	0		
TOTAL		22	23	165	1.585	130	16		
WEIGHT KG				165	1.585	130			

GRAND TOAL: 1.880 KGS

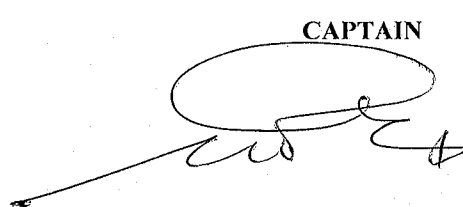
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 03	TO: TD2 - RP3	CREW: KHOAN - MTHAO - NNam	ETA: 11:40
cam-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI SY TRUONG	TD2	68-69	2	16		63	KHOAN	Vietnamese
2	HO THANH QUANG	TD2	70	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
3	PHAM SY NGOC MINH	TD2	72	1	3	15	70	KHOAN	Vietnamese
4	HO VAN HUNG	TD2	71	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
5	BAEV YURY	TD2	63	1	8		85	ANTOAN	Russian
6	DO TRONG HAI	TD2	83	1	10	9	80	YTE	Vietnamese
7	NGUYEN DINH PHUONG	TD2	79	1	4	17	82	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYEN QUOC QUAN	TD2	82	1	11	30	75	CODIEN	Vietnamese
9	LUONG NGOC HOANG	TD2	81	1	6	49	74	DVL	Vietnamese
10	NGUYEN HUNG DUNG	TD2	74	1	12		70	DVL	Vietnamese
11	ĐẶNG QUỐC ĐẠT	TD2	62	1	11		80	DVL	Vietnamese
12	NGUYEN VAN NAM (CN)	TD2	76-77	2	22		70	DVL	Vietnamese
13	ĐẶNG TRỌNG THỨC	TD2	73	1	12		70	DVL	Vietnamese
14	NHÂM ĐỨC TUÂN	TD2	64	1	13		70	DVL	Vietnamese
15	TRẦN BÀ ĐỨC	TD2	65-66	2	16		80	DVL	Vietnamese
16	LÊ PHÁT THỊNH	TD2	75	1	6		95	PSV	Vietnamese
17	ĐINH EM	TD2	67	1	3		70	PSV	Vietnamese
18	LUONG THE HIEN	RP3	33	1	10		86	XAYLAP	Vietnamese
19	ĐẶNG VĂN NAM	RP3	27-28	2	18		78	XAYLAP	Vietnamese
20	TRẦN MINH THÔNG	RP3	31-32	2	16		73	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN NGOC PHAT	RP3	29-30	2	20		72	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	17	20	165	1.282	120	13		
2	RP3	4	7	64	309	0	6		
TOTAL		21	27	229	1.591	120	19		
WEIGHT KG				229	1.591	120			

GRAND TOAL: 1.940 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 14/01/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CTK3+TD1+TD3	7:25	5+0+17	0+0+0		0+1+18	0+0+0	chuyen 3 ctk3-TD1
2		TD5+P5	7:25	19+3	0+0		18+4	0+0	
3		TD3+CLO+TTC2	9:25	18+4+0	0+0		10+0+5	0+0	
4		P6+TD5	9:25	5+17	0+0		0+18	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: CTK3 - TD1 - TD3	CREW: Linh - N.ANH - Q.Trường	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI CÔNG THANH	CTK3	94-95	2	15	20	81	XAYLAP	Vietnamese
2	LÀ TUẤN LINH	CTK3	96	1	10	20	69	XAYLAP	Vietnamese
3	LE TU KHA	CTK3	56	1	12		93	XAYLAP	Vietnamese
4	MAI DUY TÂN	CTK3	97	1	11		70	XAYLAP	Vietnamese
5	PHẠM THAI SƠN	CTK3	98-99	2	14		96	XAYLAP	Vietnamese
6	VU ANH TRONG	TD3	51	1	10		74	DVL	Vietnamese
7	TRƯỜNG QUỐC THẮNG	TD3	52-53	2	20		81	DVL	Vietnamese
8	VŨ VĂN NAM	TD3	56	1	13		66	DVL	Vietnamese
9	HOANG VĂN THƯƠNG	TD3	41	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
10	KOSHELEV PAVEL	TD3	55	1	5		86	KHOAN	Russian
11	HOÀNG MINH TOÀN	TD3	42	1	8		57	KHOAN	Vietnamese
12	HOÀNG PHẠM NGỌC VŨ	TD3	43	1	6		101	KHOAN	Vietnamese
13	LẠI THẾ ĐẠT	TD3	39	1	10		88	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ ANH THOẠI	TD3	40	1	7		92	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN LINH	TD3	38	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
16	VŨ QUANG HIỆU	TD3	45	1	8		110	KHOAN	Vietnamese
17	VŨ TIỀN LỰC	TD3	54	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	TD3	48	1	9		75	KHOAN	Vietnamese
19	KHÔNG QUỐC HÙNG	TD3	46-47	2	10		60	KHOAN	Vietnamese
20	HOANG NGOC NGHIA	TD3	49-50	2	7		65	KHOAN	Vietnamese
21	TRẦN XUÂN KY	TD3	44	1	3		89	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	5	7	62	409	40	0	0	CHUYEN 3 PAX CTK3-TD1
2	TD1	0	0	0	0	0	1		
3	TD3	16	19	132	1.255	0	18		
TOTAL		21	26	194	1.664	40	19		
WEIGHT KG				194	1.664	40			

GRAND TOAL: 1.898 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/01/2024	TO: TD5 - P5	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: PHÚ - ĐỨC - thông	ETA: 09:25
cam - 1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ TRỌNG HẠCH	TD5	64	1	7		73	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN DUY TÂM	TD5	54	1	4	90	62	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN BÌNH	TD5	62	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN THANH	TD5	52	1	10		67	KHOAN	Vietnamese
5	PHAN VĂN MẠNH	TD5	61	1	5		57	KHOAN	Vietnamese
6	HA QUỐC DUNG	TD5	50	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN VINH DUY	TD5	65-66	2	24		67	KHOAN	Vietnamese
8	NÔNG BANG GIANG	TD5	48	1	8		67	KHOAN	Vietnamese
9	PHÙNG NGUYỄN NGỌC	TD5	57	1	3		90	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM VĂN THUẬN	TD5	60	1	6		73	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN PHÙNG QUÊ	TD5	51	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
12	TRỊNH HOANG KHANH	TD5	67-68	2	11		85	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM VĂN HẠNH	TD5	63	1	6		88	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN BẠCH TÙNG	TD5	53	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM VĂN DINH	TD5	56	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
16	NGO QUỐC BAO	TD5	49	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ TIẾN DUNG	TD5	55	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
18	NHƯ THANH TUYẾN	TD5	58-59	2	13		70	KHOAN	Vietnamese
19	LÊ THANH HIỆU	P5	27-28	2	18		65	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYỄN THỦA THAI	P5	28	1	8	30	63	CODIEN	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN ANH	P5	29	1	12	30	65	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

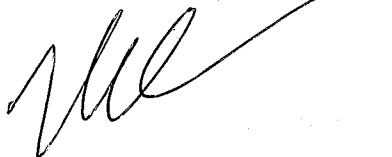
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	18	21	127	1.311	90	18		
2	P5	3	4	38	193	60	4		
TOTAL		21	25	165	1.504	150	22		
WEIGHT KG				165	1.504	150			

GRAND TOAL: 1.819 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 3	TO: TD3 - CLO - TTC2	CREW: Linh - N.ANH - Q.Trường	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN THANG LOI	TD3	24-25	2	7		59	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN VAN ANH	TD3	13-14	2	15		80	KHOAN	Vietnamese
3	ĐẶNG HUY LONG	TD3	31	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN VĂN HAI -81	TD3	16	1	3		58	KHOAN	Vietnamese
5	PHAN TRÚC TUYẾN	TD3	33	1	11		67	KHOAN	Vietnamese
6	VÕ NGUYỄN KHANG	TD3	23	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN CAO HOÀNG	TD3	34	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ NGỌC BÌNH	TD3	32	1	12		82	KHOAN	Vietnamese
9	PHÙNG VĂN XUYỀN	TD3	22	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM ĐÌNH BẢO	TD3	30	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN NAM CƯỜNG	TD3	27-28	2	10		85	KHOAN	Vietnamese
12	ĐÌNH CHÍ CÔNG	TD3	35	1	13		67	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN MINH TIẾN	TD3	29	1	8		90	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN HỮU ĐỨC TÂM	TD3	15	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
15	DƯƠNG QUỐC VIỆT	TD3	26	1	7		88	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	TD3	10-12	3	17		78	YTE	Vietnamese
17	CAO XUÂN VINH	TD3	20	1	14		81	PVDWS	Vietnamese
18	PHẠM HỒNG MINH	TD3	19	1	12		74	PVDWS	Vietnamese
19	NGUYỄN HOANG LONG	TD3	21	1	6		70	DVL	Vietnamese
20	BUI VAN QUYET	CLO	93	1	12		91	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN VAN THUAN	CLO	94-95	2	16		68	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN THAI QUYNH	CLO	96	1	15		80	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	19	24	170	1.407	0	10		
2	CLO	3	4	43	239	0	0		
3	TTC2	0	0	0	0	35	5		
TOTAL		22	28	213	1.646	35	15		
WEIGHT KG				213	1.646	35			

GRAND TOAL: 1.894 KGS

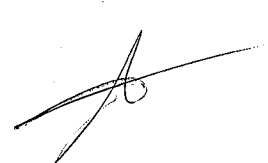
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/01/2024	TO: P6 - TD5	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:55
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: PHÚ - ĐỨC - thông	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÔ KIM THÔNG	P6	23	1	13	55	62	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN XUÂN KHOA	P6	21-22	2	19		69	XAYLAP	Vietnamese
3	TRỊNH XUÂN TÀI	P6	25-26	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
4	BUI MẠNH HẢI	P6	27-28	2	15		52	XAYLAP	Vietnamese
5	TÔ QUỐC TUẤN	P6	24	1	16		61	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN SỸ LỆ	TD5	88-89	2	13		54	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH CÔNG	TD5	75	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN VĂN DIỆU	TD5	76	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VIỆT DŨNG	TD5	78	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
10	ĐO VĨNH CUÔNG	TD5	84	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
11	BUI TÂN BÌNH	TD5	77	1	6		79	KHOAN	Vietnamese
12	ĐÀO QUANG MINH	TD5	86	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN MẠNH HÙNG	TD5	17	1	8		74	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HIỆU	TD5	79-80	2	12		64	YTE	Vietnamese
15	NGUYỄN NHỎ ĐỒNG	TD5	82-83	2	19		75	DMC-MI	Vietnamese
16	JOSE LUIS LOPEZ PADILLA	TD5	85	1	12		102	KHOAN	Venezulian
17	KIEU TUẤN ANH	TD5	5000,19	2	14		85	DVL	Vietnamese
18	TRẦN VĂN NGHĨA	TD5	81	1	15		85	DVL	Vietnamese
19	DƯƠNG BA VINH	TD5	16	1	16		93	DVL	Vietnamese
20	BUI HUY BĂNG	TD5	20	1	15		74	DVL	Vietnamese
21	LƯU BA XÔ	TD5	18,74	2	16		80	DVL	Vietnamese
22	NGUYỄN TRỌNG HOÀNG	TD5	87	1	6		70	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

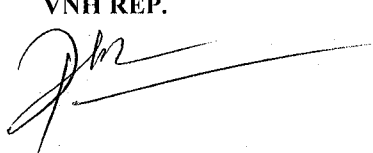
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	5	8	81	314	55	0		
2	TD5	17	22	188	1.298	0	18		
TOTAL		22	30	269	1.612	55	18		
WEIGHT KG				269	1.612	55			

GRAND TOAL: 1.936 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

